

Họ và tên: .....

Lớp: .....

Môn: Toán – Lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

Hãy khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng của các câu sau.

**Câu 1.** Trong các số 5784; 6874; 6784; 8764 số lớn nhất là:

A. 5785 B. 6784

C. 6874 D. 8764

**Câu 2.** Giá trị của chữ số 3 trong số 653 297 là:

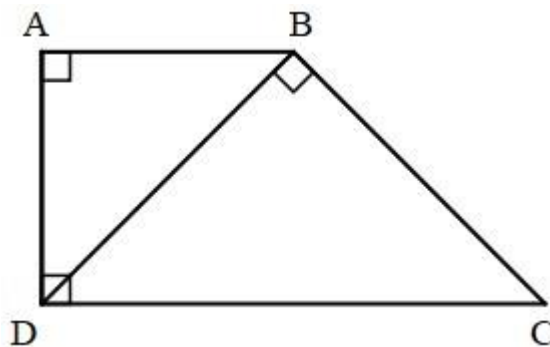
A. 30 000 B. 3000

C. 300 D. 30

**Câu 3.**  $10 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 = \dots \text{ cm}^2$ . Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:A.  $12 \text{ cm}^2$  B.  $102 \text{ cm}^2$ C.  $120 \text{ cm}^2$  D.  $1002 \text{ cm}^2$ **Câu 4.**  $357 \text{ tạ} + 482 \text{ tạ} = \dots$ 

A. 729 tạ B. 739 tạ

C. 839 tạ D. 829 tạ

**Câu 5.** Chu vi của hình vuông là 16m thì diện tích sẽ là:A. 16m B.  $16 \text{ m}^2$ C. 32m D.  $32 \text{ m}^2$ **Câu 6.** Hình bên có các cặp cạnh vuông góc là:

A. AB và AD; BD và BC.

B. BA và BC; DB và DC.

C. AB và AD; BD và BC; DA và DC.

D. AB và BD; BD và BC; DA và DB.

**II. PHẦN TỰ LUẬN****Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

$186954 + 247436$

$839084 - 465127$

$428 \times 39$

$4935 : 44$

**Bài 2:**

a) Viết các số 75 639; 57 963; 75 936; 57 396 theo thứ tự từ bé đến lớn:

b) Tìm chữ số  $x$  để số  $\overline{x258}$  chia hết cho 3.**Bài 3.** Tuổi của mẹ và tuổi của con cộng lại là 57 tuổi. Mẹ hơn con 33 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?**Bài 4.** Tìm số lớn nhất có 4 chữ số khác nhau, chữ số hàng trăm là chữ số 5 mà số đó vừa chia hết cho 2 và vừa chia hết cho 5.

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

## Câu 1.

**Phương pháp:**

So sánh các số đã cho, từ đó tìm được số lớn nhất trong các số đó.

**Cách giải:**

So sánh các số ta có:

$$5784 < 6784 < 6874 < 8764.$$

Vậy số lớn nhất trong các số đã cho là 8764.

**Chọn D.**

## Câu 2.

**Phương pháp:**

Xác định hàng của chữ số 3, sau đó nêu giá trị của chữ số đó.

**Cách giải:**

Chữ số 3 trong số 653 297 thuộc hàng nghìn nên có giá trị là 3000.

**Chọn B.**

## Câu 3.

**Phương pháp:**

Áp dụng cách đổi  $1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2$  để đổi  $10\text{dm}^2$  thành số đo có đơn vị là  $\text{cm}^2$ , sau đó cộng thêm với  $2\text{cm}^2$ .

**Cách giải:**

Ta có  $1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2$  nên  $10\text{dm}^2 = 1000\text{cm}^2$ .

Do đó:  $10\text{dm}^2 2\text{cm}^2 = 10\text{dm}^2 + 2\text{cm}^2 = 1000\text{cm}^2 + 2\text{cm}^2 = 1002\text{cm}^2$ .

Vậy:  $10\text{dm}^2 2\text{cm}^2 = 1002\text{cm}^2$ .

**Chọn D.**

## Câu 4.

**Phương pháp:**

Thực hiện phép cộng như cộng hai số tự nhiên, sau đó ghi thêm "tạ" vào sau kết quả.

**Cách giải:**

Ta có:  $357 \text{ tạ} + 482 \text{ tạ} = 839 \text{ tạ}$ .

**Chọn C.**

## Câu 5.

**Phương pháp:**

- Tính cạnh hình vuông = chu vi : 4.
- Tính diện tích = cạnh  $\times$  cạnh.

**Cách giải:**

Độ dài cạnh hình vuông là:

$$16 : 4 = 4 \text{ (m)}$$

Diện tích hình vuông đó là:

$$4 \times 4 = 16 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số:  $16\text{m}^2$ .

**Chọn B.**

**Câu 6.**

**Phương pháp:**

Quan sát kĩ hình vẽ để tìm các cặp cạnh vuông góc với nhau.

**Cách giải:**

Hình vẽ đã cho có các cặp cạnh vuông góc với nhau là: AB và AD; BD và BC; DA và DC.

**Chọn C.**

## II. PHẦN TỰ LUẬN

**Bài 1.**

**Phương pháp:**

- Đặt tính: Viết các chữ số cùng hàng đặt thẳng cột với nhau.
  - Tính: Cộng, trừ hoặc nhân lần lượt từ phải sang trái.
- Phép chia ta đặt theo cột dọc, sau đó chia lần lượt từ trái sang phải.

**Cách giải:**

$$\begin{array}{r} 186954 \\ + 247436 \\ \hline 434390 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 839084 \\ - 465127 \\ \hline 373957 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 428 \\ \times 39 \\ \hline 3852 \\ 1284 \\ \hline 16692 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4935 \overline{) 44} \\ \underline{53} \phantom{0} \\ 95 \\ \underline{95} \\ 7 \end{array}$$

**Bài 2.**

**Phương pháp:**

- So sánh các số đã cho, sau đó sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn.
- Áp dụng dấu hiệu chia hết cho 3: Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3.

**Cách giải:**

a) So sánh các số ta có:

$$57\ 396 < 57\ 963 < 75\ 639 < 75\ 936.$$

Vậy các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

$$57\ 396 ; 57\ 963 ; 75\ 639 ; 75\ 936.$$

b) Để số  $\overline{x258}$  chia hết cho 3 thì  $x + 2 + 5 + 8$  chia hết cho 3, hay  $x + 15$  chia hết cho 3.

Suy ra  $x = 0$  hoặc  $x = 3$  hoặc  $x = 6$  hoặc  $x = 9$ .

Mà  $x$  là chữ số hàng nghìn nên  $x$  phải khác 0.

Do đó,  $x = 3$  hoặc  $x = 6$  hoặc  $x = 9$ .

Vậy với  $x = 3$  hoặc  $x = 6$  hoặc  $x = 9$  thì số  $\overline{x258}$  chia hết cho 3.

**Bài 3.****Phương pháp:**

- Tìm tuổi mẹ theo công thức tìm số lớn khi biết tổng và hiệu của hai số:

$$\text{Số lớn} = (\text{Tổng} + \text{Hiệu}) : 2$$

- Tìm tuổi con ta lấy tuổi mẹ trừ đi 33 tuổi (hoặc lấy tổng số tuổi của hai mẹ con trừ đi tuổi mẹ).

**Cách giải:**

Tuổi của mẹ là:

$$(57 + 33) : 2 = 45 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của con là:

$$45 - 33 = 12 \text{ (tuổi)}.$$

Đáp số: Mẹ: 45 tuổi ;

Con: 12 tuổi.

**Bài 4.****Phương pháp:**

Áp dụng tính chất: Các số có chữ số tận cùng là 0 thì vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5.

**Cách giải:**

Gọi số có 4 chữ số khác nhau cần tìm là  $\overline{abcd}$  ( $a$  khác 0)

Theo đề bài chữ số hàng trăm là chữ số 5 nên  $b = 5$ . Khi đó ta có số  $\overline{a5cd}$

Vì số  $\overline{a5cd}$  vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 nên  $d = 0$ . Lúc này ta được số  $\overline{a5c0}$ .

Vì số cần tìm là số lớn nhất có 4 chữ số khác nhau nên  $a = 9$ ,  $c = 8$

Vậy số cần tìm là 9580